

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 114/2026/TLST- HNGĐ, ngày 21 tháng 4 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị L - Sinh năm 2000;

Số căn cước công dân: 038300013750 cấp ngày 04/6/2025

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: thôn T, xã V, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Anh Hà Văn T - Sinh năm: 1990;

Số căn cước công dân: 038090031348 cấp ngày 01/9/2021

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: thôn T, xã V, tỉnh Thanh Hóa.

- Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51; 55; 57 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; khoản 3 Điều 12; khoản 3 Điều 13; điểm a khoản 5 Điều 27; khoản 6 Điều 19 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05/5/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận, thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn, chị Ngô Thị L và bị đơn, anh Hà Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Ngô Thị L và anh Hà Văn T đều có ý kiến chung và cùng thống nhất: Vợ chồng thống nhất, thỏa thuận thuận tình ly hôn để giải thoát cho nhau.

Về con cái: Chị Ngô Thị L và anh Hà Văn T đều có ý kiến chung và cùng thống nhất: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ và các nghĩa vụ khác: Chị Ngô Thị L và anh Hà Văn T đều có ý kiến chung và cùng thống nhất: Vợ chồng tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Ngô Thị L và anh Hà Văn T đều có ý kiến chung và cùng thống nhất: Chị Ngô Thị L chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng hiện tại chị Ngô Thị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá, theo biên lai thu tiền số 0003123, ngày 21 tháng 4 năm 2026. Vì vậy chị Ngô Thị L được nhận lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Hà Văn T không phải nộp tiền án phí HNGĐ - ST.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Thanh Hoá;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Xuân Sơn